

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẠC DƯƠNG
TỈNH LÂM ĐỒNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2023/HS-ST

Ngày 24 -02-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC DƯƠNG, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phúc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Quang Trung
Bà Nguyễn Thị Huế

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Tổ – Thư ký, Tòa án nhân dân huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Trần Minh Giang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 02 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 23/2022/TLST-HS ngày 28 tháng 12 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2023/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2023/HSST-QĐ, ngày 16 tháng 02 năm 2023 đối với bị cáo:

Lê Quang L, sinh ngày 10/01/1998; tại Thanh Hóa; Nơi cư trú: thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 08/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Q, sinh năm 1974 và bà Lê Thị H, sinh năm 1973; tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: bản án số 14/2022/HS-ST ngày 07/9/2022 Tòa án nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 27 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Bị bắt tạm giam ngày 20/11/2022; Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng; có mặt.

- Bị hại: Anh Lê Văn H, sinh năm 1996; Nơi ĐKNKTT: thôn S, xã T, huyện L, tỉnh Thanh Hóa; Chỗ ở hiện nay: TDP Đ, thị trấn L, huyện L, tỉnh Lâm Đồng; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Chị Đỗ Thị Th, sinh năm 1988; Nơi cư trú: 35 A, phường 5, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng; (thôn 1, xã T, thành phố Đ,

tỉnh Lâm Đồng); có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Quang L là người nghiện ma túy, không có nghề nghiệp ổn định và là người có họ hàng, đồng hương và quen biết với anh Lê Văn H. Ngày 01/6/2022, L từ thành phố Hồ Chí Minh đến khu nhà trọ tại tổ dân phố Đồng Tâm, thị trấn Lạc Dương, huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng ở nhờ phòng trọ cùng người chú của L là anh Lê Văn Th. Đến buổi trưa cùng ngày, anh Lê Văn H (cùng ở chung khu nhà trọ với anh Th) đi làm về và ăn cơm tại phòng trọ của anh Th. Tại đây, anh H gặp L vừa ăn cơm xong. Trong lúc đang nằm nghỉ, L lên cơn thèm ma túy nên đã hỏi mượn xe máy của anh H để đi mua ma túy về sử dụng. L nói với anh H cho L mượn xe máy để đi mua thuốc lá hút. Do L là người họ hàng, quen biết nên anh H đồng ý, đưa chìa khóa xe và chỉ chiếc xe mô tô hiệu Yamaha, loại Exciter, biển kiểm soát 36K5 – 097.31 của anh H đang để ngoài sân cho L. L điều khiển xe mô tô mượn được của anh H đi ra thành phố Đà Lạt để tìm mua ma túy, khi đi đến đoạn đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 7, thành phố Đà Lạt thì trời mưa, L mở cốp xe mô tô để tìm áo mưa thì nhìn thấy giấy tờ đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 36K5 – 097.31 của anh H để trong cốp xe, L nảy sinh ý định mang chiếc xe mô tô này đi cầm đồ để lấy tiền tiêu xài, mua ma túy sử dụng. Để thực hiện ý đồ, L điều khiển xe mô tô 36K5 – 097.31 đến cửa hàng cầm đồ P tại 68, phường 7, thành phố Đ và gặp chị Đỗ Thị T (người quản lý cửa hàng), chị T thấy xe có đầy đủ giấy tờ đăng ký xe nên đã đồng ý cầm cố chiếc xe với giá 15.000.000 đ (mười lăm triệu đồng) và đã giao đủ số tiền này cho L. Sau khi cầm cố chiếc xe mô tô mượn được của anh H, L tắt điện thoại nhằm mục đích không cho anh H liên lạc với L để đòi lại chiếc xe mô tô, đồng thời, L bỏ trốn đi thành phố Hồ Chí Minh, đến ngày 04/6/2022 về quê tại tỉnh Thanh Hóa.

Kết luận định giá tài sản số 29/KL-HĐĐGTSTTHS của Hội đồng định giá tài sản trong TTHS – huyện Lạc Dương đã kết luận giá trị của 01 chiếc xe mô tô hiệu Yamaha, loại Exciter, biển kiểm soát 36K5 – 097.31 là 35.000.000 đ (ba mươi lăm triệu đồng).

Bản cáo trạng số 03/CT-VKSLD ngày 26/12/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng truy tố bị cáo Lê Quang L về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo khai nhận: khoảng 13 giờ, ngày 01/6/2022, bị cáo đã lợi dụng mối quan hệ và sự tin tưởng của anh Lê Văn H, bị cáo đã được anh H đồng ý cho mượn 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 36K5 – 097.31 của anh H để sử dụng, sau khi

mượn được xe trong quá trình sử dụng bị cáo đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe này bằng hình thức mang xe đi cầm đồ để lấy tiền tiêu xài. Sau khi cầm cố chiếc xe mô tô được 15.000.000 đồng, bị cáo đã bỏ trốn, không liên lạc với người bị hại để trả lại xe; bị cáo không thắc mắc, khiếu nại gì nội dung bản cáo trạng, và không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: chị không biết việc bị cáo mượn xe của anh H và mang đi cầm đồ tại tiệm cầm đồ, lúc tới tiệm cầm đồ bị cáo nói cầm xe của người em để đi chữa bệnh bà thấy giấy tờ đầy đủ và cùng họ tên nơi cư trú trên các giấy tờ nên cho cầm cố với số tiền 15.000.000 đồng, số tiền này tới nay bị cáo chưa trả cho chị, tại phiên tòa hôm nay chị yêu cầu bị cáo trả cho chị số tiền 15.000.000 đồng và không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Tại phiên tòa hôm nay Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Lê Quang L về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng số 03/CT-VKSLD ngày 26/12/2022 và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Quang L từ 24 tháng đến 30 tháng tù; Buộc bị cáo trả cho chị T số tiền 15.000.000 đồng; Về án phí đề nghị buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo trình bày đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tính hợp pháp của chứng cứ, tài liệu và các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và các đương sự tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các chứng cứ, tài liệu được thu thập và cung cấp theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về tố tụng: Đối với người bị hại, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do; Xét thấy trong quá trình điều tra người bị hại đã có lời khai trong hồ sơ vụ án và được trả lại chiếc xe mô tô biển kiểm soát 36K5 – 097.3, nên việc vắng mặt của người bị hại không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án; Do vậy, Hội đồng xét xử quyết

định vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

[3]. Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án; lời khai của bị hại và những người tham gia tố tụng khác đã có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo đã có đầy đủ các dấu hiệu cấu thành của tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự.

[4]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thật thà khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; Do vậy, cũng cần áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6]. Về quyết định hình phạt: Xét hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội bởi lẽ bị cáo biết rõ tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ nếu ai xâm phạm không được sự đồng ý của chủ sở hữu sẽ bị pháp luật trừng trị thích đáng, trong khi đó bị cáo là người có sức khỏe, bị cáo có thể dùng sức khỏe của mình để tạo ra của cải, vật chất phục vụ cho nhu cầu cuộc sống của bản thân bị cáo, nhưng chỉ vì lười lao động nhưng lại muốn có tiền tiêu xài bị cáo bất chấp tất cả các quy định của pháp luật, lợi dụng sự tin tưởng của chủ sở hữu tài sản để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt của bản thân bị cáo; hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương; ngoài ra sau khi thực hiện hành vi phạm tội này bị cáo đã về Thanh Hóa và tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội và đã bị Tòa án nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 27 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án số 14/2022/HS-ST ngày 07/9/2022. Do vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào các tình tiết giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo và xét thấy cần thiết phải áp dụng một mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo gây ra và cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm để cải tạo, giáo dục bị cáo đồng thời mang tính phòng ngừa chung cho xã hội.

[7]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có việc làm và thu nhập ổn định, không có khả năng kinh tế, nên miễn hình phạt bổ sung phạt tiền được quy định tại khoản 5 Điều 175 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

[8]. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Lê Quang L trả lại cho chị Đỗ Thị T số tiền 15.000.000 (mười lăm triệu đồng). Đối với người bị hại sau khi sự việc xảy ra người bị hại đã nhận lại toàn bộ tài sản, tại phiên tòa người bị hại vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, khi nào người bị hại có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[9]. Về xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lạc Dương đã tạm giữ 01 xe mô tô hiệu Yamaha, loại Exciter, biển kiểm soát 36K5 – 097.31. Sau khi xác minh, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại chiếc xe này cho chủ sở

hữu hợp pháp là anh Lê Văn H là đúng quy định của pháp luật.

[10]. Về án phí và quyền kháng cáo: Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 750.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 175; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 56 Bộ luật hình sự. Điều 135; Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Điều 579 Bộ luật dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Lê Quang L phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Lê Quang L 30 (ba mươi) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 27 (hai mươi bảy) tháng tù, tại Bản án số 14/2022/HS-ST, ngày 07/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa; Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 57 (năm mươi bảy) tháng tù; Thời hạn tù tính từ ngày 20/11/2022, được trừ thời hạn đã chấp hành án từ ngày 19/6/2022 đến ngày 19/11/2022 của Bản án số 14/2022/HS-ST, ngày 07/9/2022.

Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung quy định tại khoản 5 Điều 175 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Lê Quang L trả lại cho chị Đỗ Thị T số tiền 15.000.000 (mười lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 750.000 (bảy trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo. Riêng người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Sở tư pháp tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Lạc Dương;
- Chi cục THADS huyện Lạc Dương;
- Công an huyện Lạc Dương;
- Bị cáo; Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Phúc

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Quang Trung-Nguyễn Thị Huế

Nguyễn Văn Phúc

